



京都大学
KYOTO UNIVERSITY



National
Economics
University



The Technical
University of
Munich

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ
KINH DOANH BỀN VỮNG
TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0
INTERNATIONAL CONFERENCE PROCEEDINGS
BUSINESS SUSTAINABILITY
IN THE CONTEXT OF INDUSTRY 4.0



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG - XÃ HỘI
HÀ NỘI - 2018



京都大学
KYOTO UNIVERSITY



National
Economics
University



The Technical
University of
Munich

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ INTERNATIONAL CONFERENCE PROCEEDINGS

KINH DOANH BỀN VỮNG TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

BUSINESS SUSTAINABILITY IN THE CONTEXT OF INDUSTRY 4.0

HANOI, September 27th, 2018

LIÊN KẾT PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG TẠI BA TỈNH DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG VIỆT NAM

ThS. Ngô Thị Hiền Trang

Trường Cao đẳng Công nghệ thông tin Hữu nghị Việt – Hàn

Tóm tắt

Trong điều kiện hội nhập, đặc biệt sau sự kiện Việt Nam tham gia CPTPP và AEC, liên kết du lịch là vấn đề tất yếu đặt ra đối với mỗi địa phương nhằm khai thác lợi thế tiềm năng đưa ngành du lịch phát triển, trở thành ngành công nghiệp mũi nhọn, đóng góp nhiều hơn cho ngân sách địa phương. Tuy nhiên, sự liên kết phát triển của một số địa phương vẫn chưa tương xứng với tầm vóc và khả năng của khu vực. Nghiên cứu này đi sâu vào việc đánh giá thực trạng liên kết phát triển du lịch bền vững của ba địa phương Thừa Thiên Huế - Đà Nẵng - Quảng Nam để từ đó đưa ra các giải pháp nhằm thúc đẩy sự liên kết phát triển du lịch bền vững; đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng. Tác giả đã đề xuất hai nhóm giải pháp liên quan đến hai đối tượng chính đó là chính quyền của ba địa phương và các doanh nghiệp kinh doanh du lịch.

Từ khóa: *du lịch bền vững, liên kết, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam.*

Abstract

In terms of integration, especially after joining the CPTPP and AEC, linking tourism is indispensable problem set for each province to exploit the potential advantages to the tourism industry development, or a key industry, to contribute more to the local budget. However, the association's development some localities are still not commensurate with the stature and capabilities of the region. This study goes deeper into the assessment of the state of link to sustainable tourism development in the three localities of Thua Thien Hue - Da Nang - Quang Nam in order to offer solutions to promote the joint development of sustainable tourism; positive contribution to economic development - society of the region. The author has proposed two solutions related to two main subjects were the three local governments and tourism businesses.

Keywords: *sustainable tourism, link, Thua Thien Hue, Da Nang, Quang Nam.*

1. Đặt vấn đề

Theo tổ chức Du lịch thế giới (World Tourism Organization), du lịch bền vững là “nền du lịch quan tâm hoàn toàn đến các ảnh hưởng kinh tế, xã hội và môi trường của nó trong hiện tại và tương lai, thoả mãn các nhu cầu của khách du lịch, ngành công nghiệp du lịch, môi trường và cộng đồng tại điểm đón tiếp du lịch”. Có thể nói rằng du lịch bền vững có tiềm năng lớn nhưng cũng mang lại nhiều trách nhiệm cho những đối tác tham gia vào việc phát triển đó bởi du lịch bền vững dựa trên những ý tưởng gắn bó với nhau, rất phức tạp và thông thường đi ngược lại bản chất của cá nhân con người.

Thời gian qua, nhiều địa phương trong cả nước đã và đang xúc tiến việc liên kết phát triển du lịch bền vững. Xu hướng đó xuất phát từ những nguyên nhân sau: mặc dù lượng khách du lịch (đặc biệt là khách du lịch quốc tế) đến có xu hướng tăng nhưng thời gian lưu trú bình quân và chi tiêu bình quân của một ngày khách còn thấp dẫn đến thu nhập từ du lịch chưa cao; do nhu cầu cần đẩy mạnh khai thác thị trường khách du lịch nội địa của các địa phương... Để thu hút khách du lịch nhiều hơn, việc tăng cường khả năng liên kết các địa phương và kết nối với các trung tâm du lịch để phát triển là một trong những giải pháp hữu hiệu đối với du lịch Việt Nam trong thời kỳ mới nhằm phát huy và tạo ra những sản phẩm có chất lượng. Tuy nhiên, hơn 10 năm qua, mô hình liên kết ở Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng và Quảng Nam (kể từ năm 2006) vẫn còn đơn điệu, nghèo nàn. Để phát triển các sản phẩm, dịch vụ phù hợp với thị trường trên cơ sở khai thác hiệu quả các tiềm năng sẵn có, ba địa phương cần có những sự hợp tác, liên kết mạnh mẽ hơn nữa.

2. Thực trạng liên kết phát triển du lịch bền vững của ba tỉnh duyên hải miền Trung Việt Nam

Theo đánh giá của Tổng cục Du lịch, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng và Quảng Nam là ba địa phương trên trục di sản có nhiều tiềm năng về du lịch và đây sẽ là các trọng điểm chính của du lịch Việt Nam trong thời gian tới. Chỉ kéo dài chưa đầy 300 km mà cả ba địa phương sở hữu những bãi biển đẹp vào loại nhất nhì thế giới; 4 di sản văn hóa thế giới: Cố đô Huế, Nhã nhạc cung đình Huế, phố cổ Hội An, thánh địa Mỹ Sơn; những khu sinh thái sinh quyển, rừng quốc gia phong phú đa dạng về chủng loại động thực vật... Ba địa phương tạo ra điểm đến chung, có sản phẩm du lịch đa dạng và phong phú, du khách dễ dàng lựa chọn sản phẩm cho chuyên đi; đồng thời, cũng giúp doanh nghiệp dễ dàng đầu tư, xây dựng các sản phẩm du lịch độc đáo, khác biệt dựa trên lợi thế của mỗi địa phương.

Thừa Thiên Huế nổi tiếng với vịnh Lăng Cô - một trong những vịnh đẹp nhất thế giới và cũng là địa phương sở hữu vùng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai rộng nhất Đông Nam Á, có các di sản văn hóa thế giới: Quần thể di tích Cố đô Huế, Nhã nhạc cung đình, Thơ văn trên kiến trúc cung đình Huế cùng những di sản phi vật thể, văn hóa dân gian, truyền thống đặc sắc. Đà Nẵng là “địa chỉ đỏ” về du lịch biển đảo, khu rừng trong thành phố với bán đảo Sơn Trà - địa bàn cư trú của loài voọc chà vá chân nâu quý hiếm có tên trong sách đỏ. Quảng Nam lại nổi danh với Cù Lao Chàm (Hội An) - khu dự trữ sinh quyển thế giới đang phát triển mạnh loại hình du lịch homestay cùng với Phố cổ Hội An - Di sản văn hóa thế giới. Và để phát huy các thế mạnh của mình, ba địa phương đã tạo ra những sản phẩm du lịch mang đặc trưng vùng như các làng nghề thủ công truyền thống tranh làng Sình, hoa giấy Thanh Tiên (Thừa Thiên Huế), đá mỹ nghệ Non Nước (Đà Nẵng), dệt thổ cẩm của người Cơ tu (Quảng Nam)... Về lễ hội cấp quốc gia, Đà Nẵng đã “độc quyền” Cuộc thi Bán pháo hoa Quốc tế, Điểm hẹn mùa hè; Thừa Thiên Huế luân phiên tổ chức Festival và Festival Làng nghề; Quảng Nam có Chương trình Hành trình di sản... Những địa danh này mang lại cho khách du lịch nhiều cơ hội vui chơi, giải trí tốt như các chuyến đi bộ tới các thác nước có vũng sâu để tắm, các tour tham quan hang động kỳ bí, các chuyến du lịch khám phá hấp dẫn, ngâm mình trong suối nước nóng tự nhiên, khám phá các thảm thực vật và động vật quý hiếm của địa phương.

Trong những năm qua, sự phối hợp tổ chức các hoạt động chung của ba tỉnh đã tạo nên những thuận lợi nhất định từ công tác quản lý nhà nước đến xác định thị trường trọng điểm, xây dựng sản phẩm đặc thù. Tại Hội nghị tổng kết hoạt động liên kết du lịch ba địa phương Quảng Nam, Đà Nẵng và Thừa Thiên Huế diễn ra tại Đà Nẵng mới đây, cho thấy hiệu quả công tác quảng bá, xúc tiến du lịch chung của ba địa phương là rất tốt, nhất là sự chủ động trong xây dựng kế hoạch, quảng bá, giới thiệu, qua đó giúp tiết giảm chi phí cho mỗi địa phương nhưng vẫn làm cho sản phẩm mang tính liên vùng.

Thông qua các hoạt động chung, nhất là trong công tác quảng bá xúc tiến, du lịch Quảng Nam, Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế đã từng bước hướng đến sự chuyên nghiệp, bài bản. Nhiều chương trình quảng bá đã được ba địa phương phối hợp xây dựng chiến lược cùng xúc tiến như “Đà Nẵng biển gọi”, “Quảng Nam - Hành trình di sản”, “Lăng Cô huyền thoại biển”, “Ba địa phương - một điểm đến”,... Cùng với đó, các chương trình tham gia hội chợ, giới thiệu sản phẩm du lịch cũng được mở rộng trong và ngoài nước. Chỉ riêng năm 2015, công tác xúc tiến quảng bá được đẩy mạnh đến các thị trường như TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Cần Thơ, các tỉnh Tây Nam Bộ; Tham gia Hội chợ Du lịch quốc tế Việt Nam - VITM Hà Nội, Hội chợ Du lịch ITE - HCM, Hội chợ JATA và chương trình giới thiệu du lịch ba địa phương tại Nhật Bản,...

Kết quả rõ nét nhất của sự hợp tác liên kết giữa ba địa phương chính là đã đưa thương hiệu du lịch miền Trung đến với du khách trong và ngoài nước như là điểm đến lý tưởng của Việt Nam, từ đó góp phần thu hút du khách trong và ngoài nước, tạo thêm công ăn việc làm và ngân sách cho các địa phương. Ông Phan Tiến Dũng, Giám đốc Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế cho rằng, nếu trước đây, khách đi lại giữa ba tỉnh chỉ chiếm khoảng 15%, thì từ khi có chương trình liên kết, con số này đạt trên 30%. Đặc biệt, theo ông Hồ Tấn Cường, Phó giám đốc Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch Quảng Nam, việc hợp tác xúc tiến du lịch đã giúp mỗi địa phương tiết kiệm được nguồn kinh phí khá lớn và tăng cường hiệu quả hoạt động. “Mỗi địa phương chỉ cần bỏ ra nguồn kinh phí bằng 1/3 để quảng bá”, ông Cường nói. Bên cạnh đó, tính đến tháng 12/2017, tổng lượt khách tham quan, lưu trú ở Quảng Nam ước đạt 5,35 triệu lượt, tăng 13,7% so với cùng kỳ năm 2016 và đạt 103,9% so với kế hoạch (khách quốc tế ước đạt 2,8 triệu, tăng 10,5%; khách nội địa đạt khoảng 2,55 triệu, tăng 17,2% so với cùng kỳ năm trước). Doanh thu du lịch ước đạt 3.860 tỷ đồng, tăng gần 24,5% so với 2016, thu nhập xã hội từ du lịch ước đạt 9.200 tỷ đồng. Trong khi đó, năm 2017, du lịch Đà Nẵng đạt 6,6 triệu lượt khách, tăng 19% so với cùng kỳ năm 2016 (khách quốc tế đạt 2,3 triệu lượt, tăng 11,3% so với cùng kỳ năm 2016, khách nội địa đạt 4,3 triệu lượt, tăng 11,3% so với năm 2016). Tổng thu du lịch trong năm 2017 cán mốc 19.403 tỷ đồng, tăng 20,6% so với năm 2016. Trước đây, Đà Nẵng đặt mục tiêu đến năm 2020 sẽ đón 2 triệu lượt khách quốc tế. Nhưng du lịch Đà Nẵng đạt mục tiêu sớm hơn 3 năm khi năm 2017, Đà Nẵng đã đón khoảng 2,3 triệu lượt khách quốc tế. Đối với Thừa Thiên Huế, tính đến cuối tháng 12/2017, tổng lượng khách đến tỉnh này đạt 3.800.012 lượt, tăng 16,63% so với cùng kỳ (khách quốc tế đạt 1.501.226 lượt, khách nội địa đạt 2.298.786 lượt; khách du lịch qua đường tàu biển là 127.598 lượt). Doanh thu du lịch ước đạt trên 3.520 tỷ đồng, tăng 9,87% so với cùng kỳ. Lượng khách đến cao nhưng số ngày lưu trú bình quân lại khá thấp đặc biệt tại

Thừa Thiên Huế, lượng khách chỉ lưu trú bình quân dưới 2 ngày. Cụ thể năm 2017:

Bảng 1. Thống kê số lượng khách du lịch trong vùng năm 2017

Các chỉ tiêu	Thừa Thiên Huế	Đà Nẵng	Quảng Nam
Tổng lượt khách (người)	3.800.012	6.600.000	5.350.000
Trong nước	2.298.786	4.300.000	2.550.000
Quốc tế	1.501.226	2.300.000	2.800.000
Thời gian lưu trú bình quân (ngày)	1,79	3,4	2,5
Doanh thu từ du lịch (tỷ đồng)	3.520	19.403	3.860

(Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo thực trạng phát triển du lịch các tỉnh/thành phố)

Ngoài ra, cùng với công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, các tỉnh, thành phố trong khu vực đã thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu tư xây dựng các cơ sở dịch vụ, du lịch. Đến nay, nhiều dự án du lịch lớn đã được hoàn thành, đưa vào sử dụng tạo ra hệ thống nhà hàng, khách sạn và cơ sở lưu trú khá đầy đủ... Ba địa phương tập trung xúc tiến, quảng bá du lịch tại các thị trường quốc tế chung là Nhật Bản, Hàn Quốc và Tây Âu; thường xuyên trao đổi kinh nghiệm chuyên môn, cung cấp thông tin về tình hình phát triển du lịch, chương trình tour, các điểm đến và sản phẩm du lịch mới nhằm giới thiệu đến các doanh nghiệp trong nước và ngoài nước cũng như trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Bên cạnh đó, hỗ trợ hướng dẫn viên du lịch ở các thị trường tiềm năng như Hàn Quốc, Trung Quốc, Thái Lan, xúc tiến mở thêm các đường bay quốc tế mới, như Hồng Kông (Trung Quốc) - Đà Nẵng, Busan (Hàn Quốc) - Đà Nẵng, Huế - Thái Lan,... Việc thành lập các tổ công tác phát triển du lịch cũng được các địa phương phối hợp thực hiện một cách hiệu quả. Đây thật sự là đòn bẩy, thúc đẩy du lịch quốc tế vào Việt Nam nói chung, nhất là vào khu vực miền Trung nói riêng. Đây còn là cơ hội để các doanh nghiệp du lịch trong nước và các tổ chức, doanh nghiệp du lịch quốc tế gặp gỡ, giới thiệu các sản phẩm du lịch, thu hút sự phát triển du lịch trong khu vực.

Về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, Dự án Chương trình Phát triển năng lực du lịch có trách nhiệm với môi trường và xã hội do Liên minh Châu Âu tài trợ (gọi tắt là Dự án EU-ESRT) cũng đã tổ chức các chuyến khảo sát học tập thực tế, các chuyến đào tạo ngắn hạn tại nước ngoài, các khóa tập huấn nâng cao nhận thức cho cán bộ các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ba địa phương. Từ các hoạt động hỗ trợ này, kinh nghiệm về tổ chức quản lý điểm đến theo hướng bền vững, có trách nhiệm với môi trường và xã hội được phổ biến sâu rộng hơn tới các chủ thể quản lý trong ngành du lịch.

Mô hình liên kết Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam và Đà Nẵng đã được Tổng cục Du lịch chọn làm điển hình cho cả nước. Theo đánh giá của Tổng cục Du lịch, mô hình hợp tác liên kết du lịch này đã mang lại những kết quả khá tích cực cho ba địa phương. Đó không chỉ là hiệu quả của công tác quảng bá, xúc tiến mà việc liên kết còn thể hiện trong xây dựng chính

sách quản lý, phát triển sản phẩm du lịch; phát triển nguồn nhân lực... giúp từng bước định vị thương hiệu du lịch vùng của ba địa phương như là một điểm đến có giá trị và thú vị nhất ở Việt Nam với sản phẩm đa dạng, chất lượng. Ngoài các sản phẩm chung, việc liên kết đã tạo ra sự cạnh tranh lành mạnh, sức hấp dẫn cho khách tham quan khi thụ hưởng sản phẩm du lịch đặc sắc của vùng.

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động liên kết du lịch tại miền Trung còn nhiều bất cập so với yêu cầu của du lịch bền vững, chẳng hạn việc sử dụng lực lượng lao động chưa bền vững, mức độ lưu động cao hơn rất nhiều so với các ngành khác, độ dài thời gian sử dụng lao động ngắn,... Nhiều con số thống kê cho thấy, khoảng 95% khách du lịch nghỉ dưỡng người nước ngoài chỉ đến khu vực miền Trung - Tây nguyên một lần và không quay lại. Nhiều khách du lịch đến đây bởi giá cả khá cạnh tranh và khu vực này vẫn là điểm đến khá rẻ thu hút nhiều đoàn du lịch. Tuy nhiên, nhiều điểm đến được bảo vệ và không được trùng tu đúng mức. Các khách sạn và khu nghỉ dưỡng mọc lên như nấm trong khi mức cầu không cao. Đây cũng là khu vực ít có các trung tâm mua sắm, giải trí về đêm - một nhu cầu rất cao của du khách. Các khách sạn ở đây ít quan tâm đến những ảnh hưởng về môi trường và xã hội của mình, đội ngũ sinh viên du lịch khi ra trường chưa thỏa mãn được các yêu cầu của xã hội. Tình trạng ngộ độc thực phẩm xảy ra khá thường xuyên và nhiều nhà hàng chào mời những món ăn từ các loại thú quý hiếm. Nạn trộm cắp và "chặt chém" giá đối với khách du lịch xảy ra thường xuyên làm hoen ố hình ảnh một khu vực thân thiện và mến khách.

Du khách trong nước và nước ngoài hiện nay hướng đến du lịch bền vững. Họ có ý thức hơn về nhu cầu bảo vệ môi trường không chỉ để duy trì nét đẹp thiên nhiên mà còn để đảm bảo sự tồn tại lâu dài của điểm đến du lịch. Du khách ngày nay thường xuyên tìm cách thỏa mãn nhu cầu của họ trong việc giải trí, vui chơi và khám phá theo cách phù hợp với sự bảo tồn tự nhiên, văn hoá và xã hội địa phương họ viếng thăm.

Như vậy, hơn 10 năm qua, mô hình liên kết ở Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng và Quảng Nam vẫn còn đơn điệu, nghèo nàn. Những kết quả đạt được chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh. Mô hình liên kết ba địa phương này vẫn còn tồn tại những bất cập, cụ thể:

Thứ nhất, sự liên kết phát triển thiếu chặt chẽ

Mô hình liên kết giữa ba địa phương Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng và Quảng Nam được xem là điển hình trong các mối liên kết phát triển du lịch vùng. Tuy nhiên, hơn 10 năm qua, sự liên kết chỉ dừng lại ở những định hướng trong chiến lược phát triển. Cách quản lý điểm đến hiện nay vẫn điều hành theo sự phân chia địa giới và tổ chức hành chính. Do đó, trong phối hợp còn những rào cản, giới hạn về chức năng, nhiệm vụ cũng như phân định quyền hạn, trách nhiệm về mặt hành chính, chưa thuận lợi để cùng bàn, cùng làm.

Sự hợp tác giữa các địa phương với nhau chưa chặt chẽ nên sản phẩm du lịch của các tỉnh trong khu vực trùng lặp nhau khá nhiều. Chính sự tương đồng về tiềm năng cũng như các ưu tiên phát triển du lịch của các địa phương trong vùng đã khiến sản phẩm du lịch trùng lặp, đơn điệu, khi vùng này chỉ thu hút được 50% lượng khách so với cả nước. Sự "thất bại" này do thiếu tính liên kết, hợp tác giữa các công ty lữ hành, lưu trú,... để tạo nên hình ảnh thống nhất của vùng. Cứ đến mùa hè, các tỉnh duyên hải miền Trung lại rộn ràng lễ hội. Nào là:

Festival Huế - Lễ hội làng nghề truyền thống, Festival biển Đà Nẵng, Liên hoan Du lịch Bà Nà,... Mỗi địa phương làm một cách và mạnh ai nấy làm, chưa có sự liên kết với nhau. Năm du lịch quốc gia 2006, Festival Huế tổ chức cùng thời điểm với Liên hoan du lịch Quảng Nam: “Một điểm đến, hai di sản”,... nhưng giữa hai địa phương này không hề thông báo cho nhau. Có lúc, tại Quảng Nam có lễ hội “Hội An - Cảm xúc mùa hè” thì tại Thừa Thiên Huế lại có “Lăng Cô - Huyền thoại biển”. Còn nhớ, năm 2006, Festival Huế diễn ra nửa tháng, với hàng chục đoàn nghệ thuật đến từ các quốc gia, vậy mà tại Đà Nẵng - cửa ngõ của miền Trung lại không có một băng rôn, tờ rơi nào giới thiệu?... Việc các địa phương tổ chức nhiều lễ hội cùng một thời điểm đã làm cho các công ty lữ hành nhiều lúc bị “bội thực” nên khó mà tạo ra những tour du lịch hoàn chỉnh, trọn vẹn dành cho du khách khi thưởng thức các lễ hội mùa hè ở miền Trung...

Đối với công tác xúc tiến liên kết vẫn còn trở ngại như chậm trễ về thông tin, kinh phí và nội dung liên kết chưa thật sự rõ ràng; sức cạnh tranh của ngành kinh tế du lịch bộc lộ nhiều điểm yếu. Phần lớn, doanh nghiệp du lịch có quy mô nhỏ, các sản phẩm du lịch chưa chuyên nghiệp; thiếu các điểm tham quan nổi trội, nhất là các khu vui chơi giải trí, các điểm biểu diễn nghệ thuật, các dịch vụ du lịch về đêm,... Vì thế chưa thật sự tạo ấn tượng đối với khách tham quan. Các doanh nghiệp, công ty du lịch lữ hành chưa liên kết với nhau để tạo ra những sản phẩm dùng chung cho ba địa phương. Chất lượng dịch vụ, chất lượng các sản phẩm du lịch còn thấp do chưa có chiến lược đầu tư đồng bộ và hiệu quả. Hình ảnh đặc trưng, nổi trội cho sản phẩm của ba tỉnh, thành phố chưa được khai thác và phát huy có hiệu quả. Một số sản phẩm du lịch truyền thống thiếu sức cạnh tranh do chưa nâng cao chất lượng dịch vụ, quản lý chất lượng dịch vụ; quản lý kinh doanh còn nhiều bất cập, làm giảm sức thu hút du lịch so với một số địa phương trong cả nước.

Thứ hai, hạn chế về nguồn lực

Nguồn lực hạn hẹp cũng là vấn đề cản trở sự phát triển du lịch miền Trung - Tây Nguyên. Nội dung các chính sách ưu đãi hỗ trợ chưa thật sự đủ mạnh, đủ sức hấp dẫn để tạo đột phá của ngành du lịch. Nguyên nhân chủ yếu là một số địa phương và cơ quan chức năng chưa thật sự nhận thức du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn để từ đó hoạch định chính sách tài chính ưu đãi đặc thù cho ngành du lịch. Theo kế hoạch, nhu cầu đầu tư giai đoạn 2016 - 2020 toàn khu vực là 482 nghìn tỷ đồng, nhưng xu hướng đầu tư từ ngân sách sẽ giảm. Khả năng bố trí nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước phát triển du lịch là rất hạn chế. Trong khi đó, nhiều tỉnh, thành thuộc miền Trung - Tây Nguyên với nguồn thu ngân sách nhà nước hạn chế, vì vậy nguồn nội lực đầu tư từ ngân sách không thể đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn...

Đội ngũ làm du lịch vừa thiếu vừa yếu. Hiện có 30% lao động du lịch chưa tốt nghiệp trung học phổ thông, số có trình độ đại học và sau đại học về du lịch chỉ chiếm 3%. Ngay như Đà Nẵng cũng thiếu đội ngũ làm du lịch chuyên nghiệp, đội ngũ hướng dẫn viên du lịch cũng mới chỉ đáp ứng được 30-40% nhu cầu. Theo Chiến lược, khu vực 3 tỉnh Duyên hải miền Trung trong giai đoạn đến 2020, tầm nhìn 2030 là một trong số điểm đến hấp dẫn nhất Việt Nam, nơi tập trung nhiều di sản văn hóa được UNESCO công nhận, nơi có bờ biển đẹp với

cơ sở hạ tầng du lịch phát triển bậc nhất Việt Nam. Khu vực duyên hải miền Trung không chỉ hấp dẫn khách quốc tế mà cả khách nội địa, do vậy nhu cầu về dịch vụ du lịch rất đa dạng để có thể đáp ứng các thị trường khách khác nhau. Trên cơ sở dự báo tốc độ tăng trưởng về khách du lịch đến khu vực Duyên hải miền Trung, nhu cầu về lao động du lịch được dự báo trong bảng dưới đây.

Bảng 2. Dự báo nhu cầu lao động trong vùng đến năm 2020, tầm nhìn 2030

(Đơn vị tính: Người)

	Loại lao động	2015	2020	2025	2030
Thừa Thiên Huế	Lao động trực tiếp trong du lịch	11.500	15.800	18.000	25.200
	Lao động gián tiếp ngoài xã hội	30.000	38.800	44.000	47.400
	Tổng cộng	41.500	53.600	62.000	72.600
Đà Nẵng	Lao động trực tiếp trong du lịch	16.200	24.000	30.000	37.000
	Lao động gián tiếp ngoài xã hội	32.400	48.000	60.000	74.000
	Tổng cộng	48.600	72.000	90.000	111.000
Quảng Nam	Lao động trực tiếp trong du lịch	19.100	23.800	30.200	37.800
	Lao động gián tiếp ngoài xã hội	38.200	47.600	60.400	75.600
	Tổng cộng	57.300	71.400	90.600	113.400

(Nguồn: Viện nghiên cứu phát triển Du lịch)

Các kết quả từ nghiên cứu khảo sát lực lượng lao động du lịch năm 2015 của Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch cho thấy tỷ lệ lực lượng lao động được đánh giá đáp ứng yêu cầu công việc chiếm đa số, với tỷ lệ nhân viên đáp ứng yêu cầu công việc trong lĩnh vực lưu trú chiếm khoảng từ 60 – 80% và trong lĩnh vực lữ hành là 50 – 70%. Hơn nữa, có khoảng 10% nhân viên trong cả hai lĩnh vực được đánh giá là nhân viên xuất sắc. Tuy nhiên, vẫn có ít nhất khoảng 10 – 20% số nhân viên trong lĩnh vực lưu trú và có gần 30% số nhân viên trong lĩnh vực lữ hành được đánh giá là không đáp ứng được các yêu cầu tối thiểu của công việc. Đây là vấn đề nghiêm trọng nhất được chỉ ra trong nghiên cứu này và các tổ chức, doanh nghiệp cần phải xây dựng một kế hoạch toàn diện để giải quyết vấn đề này một cách hiệu quả.

Bên cạnh đó, toàn vùng còn thiếu các trường đào tạo du lịch chuyên sâu, chương trình đào tạo còn mang nặng tính hình thức, không có nhiều điều kiện để sinh viên có thể tiếp cận trực tiếp với thực tế. Trình độ ngoại ngữ vẫn còn yếu và hầu hết chỉ sử dụng được tiếng Anh, còn thiếu trầm trọng những ngoại ngữ khác như Nga, Pháp, Đức, Nhật, Hàn Quốc...

Theo nghiên cứu có 8.420 học viên đang theo học 71 chương trình đào tạo trong 19 cơ

sở đào tạo trên địa bàn khảo sát, tương đương với mức trung bình khoảng 444 học viên và 3,7 chương trình đào tạo cho mỗi cơ sở đào tạo. Có ít nhất 6 trên tổng số 14 chương trình đào tạo được nghiên cứu bao gồm Quản lý và Nghiệp vụ Bar, Quản lý và nghiệp vụ buồng, và Tiếng Anh cho Lữ hành và Khách sạn chỉ được dưới 16% số cơ sở đào tạo tham gia khảo sát tổ chức. Như vậy có thể kết luận rằng không có nhiều cơ hội được đào tạo chính qui về du lịch ở địa bàn các tỉnh được khảo sát.

Đáng lo ngại hơn nữa, trong tổng số 71 chương trình đào tạo hiện đang được 19 cơ sở đào tạo tổ chức, 75% số chương trình được tổ chức cho bậc Cao đẳng hoặc thấp hơn và không có chương trình nào được tổ chức cho bậc Sau đại học. Như vậy, điều này cũng có thể gây quan ngại do không có nhiều cơ hội học tập đào tạo cho các vị trí quản lý. Dự kiến về 5 năm tới, số liệu cho thấy hầu như sẽ không có thay đổi trong bức tranh toàn cảnh về đào tạo du lịch của vùng. Tới năm 2020, sẽ có khoảng 3015 học viên mới theo học 55 chương trình đào tạo được tổ chức bổ sung so với hiện tại. Trong số này, chỉ có 11% số chương trình đào tạo cho bậc Đại học và không có chương trình nào dành cho bậc Thạc sỹ.

Thứ ba, công tác quy hoạch chưa được quan tâm.

Việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường gắn với hoạt động du lịch của khu vực nhìn chung vẫn còn nhiều hạn chế:

- Hoạt động khai thác du lịch ở nhiều di tích tôn giáo tín ngưỡng vẫn còn tình trạng quá tải hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ khách tham quan, du lịch. Từ đó dẫn đến việc gia tăng lượng rác thải, nước thải và chất thải không kiểm soát và làm nhiễm bẩn các nguồn nước, ảnh hưởng đến môi trường sinh thái của di tích. Bên cạnh đó, nhu cầu phát triển kinh tế và nâng cao đời sống của người dân trong khu vực gia tăng khiến việc xây dựng các cơ sở hạ tầng như mở đường, san lấp mặt bằng lấn biển, xây dựng bến bãi cầu cảng, xây dựng các công trình phục vụ dân sinh... tại khu vực lân cận di tích, hoặc thậm chí trong phạm vi bảo vệ của các di tích đã và đang diễn ra với mức độ ngày càng lớn, gây ảnh hưởng đến môi trường di tích ở các cấp độ khác nhau. Chẳng hạn tại di tích Cố đô Huế, phố cổ Hội An... nhiều hộ dân đã sống trong phạm vi di tích từ vài ba thế hệ; sự gia tăng dân số và nhu cầu nâng cao tiện nghi của người dân khu vực di tích đã gây những tác động không nhỏ đến sự bền vững của môi trường tại các di tích.

- Hoạt động của các cơ sở dịch vụ du lịch như nhà nghỉ, khách sạn, các cơ sở hạ tầng giao thông bến thuyền, bến xe, nhà ga cáp treo, các quầy bán hàng lưu niệm, dịch vụ ăn uống... tại các di tích là nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường nước, môi trường đất và môi trường không khí, đồng thời làm ảnh hưởng đến cảnh quan chung của khu di tích.

- Việc khai thác các tour du lịch sinh thái rừng bao gồm các hoạt động xâm lấn các khu/hệ cư trú, buôn bán, săn bắn/đánh bắt động vật hoang dã, thu gom sản phẩm phụ từ rừng, đốn cây... là mối đe dọa chính đối với đa dạng sinh học ở các khu bảo tồn thiên nhiên, các rừng quốc gia, rừng đặc dụng. Sự thiếu ý thức của khách du lịch cũng thể hiện trong việc mua động vật hoang dã và những sản phẩm từ biển, rừng như san hô, cao, mật gấu, hải sâm... Đây là hành động gián tiếp thúc đẩy việc khai thác cạn kiệt các nguồn tài nguyên rừng làm nguy hại đến giá trị đa dạng sinh học của các khu/điểm du lịch.

Để phát triển các sản phẩm, dịch vụ phù hợp với thị trường trên cơ sở khai thác hiệu quả các tiềm năng sẵn có, ba địa phương cần có những sự hợp tác, liên kết mạnh mẽ hơn nữa. Ngoài ra, cần sự kết nối giữa địa phương, doanh nghiệp, cơ sở đào tạo để hướng đến phát triển năng lực và nguồn nhân lực tại địa phương thông qua đào tạo hỗ trợ phát triển du lịch bền vững, sinh kế bền vững trong tương lai,...

3. Giải pháp nhằm thúc đẩy sự liên kết phát triển du lịch bền vững tại ba tỉnh duyên hải miền Trung Việt Nam

Đã đến lúc, các đơn vị phải bắt tay với nhau, liên kết, hợp tác để phát triển, không chỉ trong lĩnh vực đào tạo nhân lực, trao đổi thông tin, hỗ trợ tài chính, hợp tác quảng bá, tổ chức các sự kiện. Lớn hơn, liên kết là cơ sở để quy hoạch phát triển, nhằm tạo ra những sản phẩm đặc thù, không chồng chéo và có thể bổ trợ cho nhau.

3.1. Đối với chính quyền ba địa phương

Để phát triển bền vững du lịch khu vực, ngoài việc định hình các sản phẩm du lịch đặc thù dựa trên tiềm năng và thế mạnh về các giá trị văn hóa truyền thống, cảnh quan tự nhiên,... ba địa phương cần đề xuất hệ thống chính sách phù hợp để phát triển, dựa trên mối liên kết vùng để chia sẻ thông tin và lợi ích lẫn nhau. Đặc biệt là đẩy mạnh các mô hình du lịch cộng đồng, du lịch xanh, du lịch có trách nhiệm để lôi kéo người dân địa phương tham gia và chia sẻ lợi ích. Thành công từ các mô hình du lịch cộng đồng tại các nước trong khu vực ASEAN như Thái Lan, Indonesia, Sri Lanka,... cũng là những tham khảo quan trọng để phát triển du lịch miền Trung bền vững.

(1) Liên kết phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển du lịch

Để du lịch phát triển và thật sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, các tỉnh, thành phố cần:

- Nghiên cứu chính sách và cơ chế chung nhằm thu hút đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng du lịch tương xứng với tiềm năng và định hướng phát triển; thu hút các dự án du lịch mới, nhất là các dự án mang tính chiến lược.

- Phối hợp trong chính sách khuyến khích đầu tư kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, đặc biệt là các khu vui chơi giải trí, các khu mua sắm đặc trưng và chất lượng cao, trên cơ sở có sự thống nhất trong quy hoạch sản phẩm du lịch dựa vào lợi thế của mỗi địa phương.

- Tìm kiếm cơ chế đầu tư phát triển và tạo bước đột phá trong xúc tiến triển khai những công trình có ảnh hưởng quyết định, tạo ra liên kết phát triển du lịch Vùng như: hoàn chỉnh và kết nối các đoạn tuyến du lịch ven biển; Nâng cấp, mở rộng các Hành lang Đông Tây nối các đô thị du lịch, khu du lịch quốc gia, điểm du lịch quốc gia trong Vùng với đường Hồ Chí Minh, đường Đông Trường Sơn và các cửa khẩu quốc tế ở biên giới phía Tây...

- Liên kết các đảo ven bờ và các tuyến Đà Nẵng - Hoàng Sa và đường Hồ Chí Minh trên biển.

- Hoàn chỉnh hệ thống viễn thông - công nghệ thông tin; xây dựng đồng bộ và hiện đại hoá hệ thống biển báo, chỉ dẫn giao thông và du lịch; xây dựng và cải tạo mạng lưới cấp điện

cho các khu đô thị và du lịch. Cung cấp đầy đủ nước sạch đáp ứng yêu cầu của du lịch. Mở rộng, cải tạo hệ thống thoát nước. Nghiên cứu biện pháp phòng chống lũ lụt, tránh tình trạng kẹt xe, các công rãnh ứ đọng, gây ô nhiễm đến môi trường,...

(2) Phối hợp phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch

- Nâng cao chất lượng dịch vụ tại các cơ sở lưu trú; dự báo về lưu trú và cơ sở lưu trú du lịch, làm cơ sở để xây dựng và công bố quy hoạch phát triển cơ sở lưu trú đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của khách du lịch. Quy hoạch phát triển các khu nghỉ dưỡng cao cấp tại các tuyến du lịch biển. Khuyến khích, tạo điều kiện cho cộng đồng dân cư tham gia phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch cũng như đáp ứng nhu cầu tìm hiểu về đặc thù văn hóa Vùng của khách du lịch, đồng thời tạo khả năng khắc phục khó khăn về cơ sở lưu trú theo thời vụ, tạo việc làm, tăng thu nhập cho nhân dân địa phương.

- Kiểm tra, lựa chọn và thông báo rộng rãi những khách sạn, nhà hàng, dịch vụ ăn uống, điểm mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ ở các điểm du lịch, giúp du khách có cơ sở để lựa chọn và quyết định.

- Ban hành những chính sách ưu đãi đầu tư, thu hút và lựa chọn những dự án xây dựng khách sạn cao cấp với quy mô lớn, đẳng cấp quốc tế, kêu gọi xây dựng hạ tầng xanh thân thiện với môi trường mà lại tiết kiệm được chi phí. Giải pháp hạ tầng xanh sẽ giúp bảo vệ môi trường nhờ tập trung khai thác các giải pháp tiên tiến như giải pháp cấp mật độ cao Hi-D giúp tăng hiệu suất hoạt động của hệ thống cấp mạng, giảm thiểu tiêu thụ điện năng, giảm bớt lượng khí thải CO₂.

- Phát triển các khu mua sắm để tăng chi tiêu của du khách và có những chính sách ưu đãi với những gian hàng của các làng nghề trong khu mua sắm; kết hợp với các doanh nghiệp lữ hành để đưa khách đến các khu mua sắm này; đầu tư bảo tàng Văn hóa biển nhằm thu hút du khách đến tham quan và giới thiệu những đặc trưng văn hóa dân gian biển của Đà Nẵng. Định hướng phát triển một số tuyến phố chuyên doanh gồm các cửa hàng đồ hiệu, cửa hàng chuyên doanh, cửa hàng miễn thuế, cửa hàng giảm giá, cửa hàng tiện lợi phục vụ kéo dài về đêm,... ở các khu vực trung tâm.

- Nâng cao hơn nữa chất lượng các dịch vụ kèm theo như dịch vụ vận chuyển, viễn thông, y tế, ngân hàng... và đầu tư nâng cấp, trùng tu các khu bảo tàng, văn hóa, sinh thái.

(3) Phối hợp xúc tiến quảng bá điểm đến, xây dựng thương hiệu du lịch cho Vùng:

- Tập trung đẩy mạnh và chuyên nghiệp hóa hoạt động xúc tiến quảng bá nhằm vào thị trường mục tiêu theo hướng lấy điểm đến, sản phẩm du lịch và thương hiệu du lịch làm đối tượng xúc tiến trọng điểm; tận dụng sức mạnh truyền thông và huy động sự hợp tác của các cơ quan ngoại giao ở các nước, đẩy mạnh xã hội hóa xúc tiến quảng bá du lịch.

- Tăng cường năng lực của các trung tâm xúc tiến du lịch tại các địa phương trong Vùng; tăng thêm vốn ngân sách cho xúc tiến quảng bá du lịch; xây dựng cơ chế hợp tác xúc tiến du lịch giữa các địa phương trong Vùng và với Tổng cục Du lịch.

- Xây dựng thương hiệu du lịch cho ba địa phương, tập trung hướng hình ảnh du lịch của ba địa phương ra quốc tế; xác định tour du lịch mẫu, điển hình cho du lịch toàn Vùng.

- Tập trung xúc tiến, quảng bá du lịch tại các thị trường quốc tế chung là Nhật Bản, Hàn Quốc và Tây Âu; thường xuyên trao đổi kinh nghiệm chuyên môn, cung cấp thông tin về tình hình phát triển du lịch, chương trình tour, các điểm đến và sản phẩm du lịch mới nhằm giới thiệu đến các doanh nghiệp trong nước và ngoài nước cũng như trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Kết nối các sự kiện, lễ hội riêng của từng địa phương để tạo ra chuỗi sự kiện du lịch nhằm thu hút và tận dụng tối đa các nguồn khách.

(4) Thống nhất sử dụng website của ba địa phương để cập nhật thường xuyên các dữ liệu về tài nguyên du lịch, các tour, tuyến, điểm du lịch, tình hình du lịch trong ba địa phương như lượng khách, nguồn khách, sự phát triển của các dịch vụ lữ hành, lưu trú, vui chơi giải trí, mua sắm, ẩm thực... Và cần xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin du lịch và trao đổi thông tin du lịch trên địa bàn.

(5) Thường xuyên tổ chức những buổi gặp gỡ giữa các doanh nghiệp du lịch với các cơ quan quản lý, lãnh đạo các địa phương để có thể kịp thời tháo gỡ những khó khăn, cũng như đề xuất nhằm thúc đẩy sự phát triển du lịch ba địa phương.

Bên cạnh việc sử dụng ngân sách nhà nước, các địa phương cần huy động nguồn lực xã hội hóa từ các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội để tạo thêm nguồn lực, sức mạnh thúc đẩy phát triển du lịch từng địa phương.

Ngoài ra, cầu lao động trong lĩnh vực lưu trú sẽ bị ảnh hưởng nhiều nhất trong bối cảnh hội nhập ASEAN và tham gia thỏa thuận nghề du lịch, do vậy rất cần sự chia sẻ thông tin và hợp tác giữa cơ quan quản lý nhà nước và các doanh nghiệp lưu trú, để nâng cao nhận thức và hiểu biết của các bên liên quan.

(6) Hợp tác xây dựng không gian kinh tế du lịch ba địa phương thống nhất trên cơ sở:

- Kết nối các tour, tuyến, điểm, khu du lịch nhằm phát triển đa dạng các loại hình du lịch (biển, văn hóa, sinh thái, MICE) và khai thác các phân khúc thị trường khác nhau tùy thuộc vào lợi thế cạnh tranh du lịch của từng địa phương;

- Tạo lập chuỗi các thương hiệu du lịch trong Vùng như Festival Huế, lễ hội Đêm rằm phố cổ Hội An, lễ hội pháo hoa quốc tế Đà Nẵng...

(7) Liên kết đào tạo nguồn nhân lực du lịch:

Trên cơ sở dự báo cung - cầu lao động du lịch cho từng địa phương và toàn Vùng, triển khai các hoạt động liên kết đào tạo giữa các cơ sở đào tạo và dạy nghề du lịch trong Vùng về ngành nghề, chương trình, số lượng, trình độ đào tạo để đảm bảo đáp ứng cung - cầu lao động. Khuyến khích các hình thức hợp tác giữa cơ sở đào tạo, dạy nghề du lịch và doanh nghiệp kinh doanh du lịch để nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực du lịch chất lượng cho ba địa phương, nhất là dạy nghề du lịch chất lượng cao. Nghiên cứu biện pháp hỗ trợ bồi dưỡng trình độ ngoại ngữ (nhất là tiếng Anh, Nhật, Nga, Trung Quốc,...) cho

lao động du lịch thông qua tổ chức các chương trình bồi dưỡng có ưu đãi về học phí nhờ tận dụng các nguồn lực về giáo viên, cơ sở vật chất,... của các cơ sở đào tạo, dạy nghề du lịch trong Vùng.

Nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp trong đào tạo lao động du lịch. Tham gia hợp tác, hỗ trợ đào tạo như hỗ trợ học bổng, tạo điều kiện cho học viên thực tập, tạo cơ hội việc làm, đặt hàng đào tạo...

Cơ quan quản lý nhà nước về du lịch cần cập nhật thông tin về lực lượng lao động du lịch trong địa phương mình nói chung và lao động trong lĩnh vực lưu trú nói riêng, cả về số lượng và chất lượng để có thể xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ công tác đào tạo cho doanh nghiệp. Cơ quan quản lý du lịch chủ động xây dựng và tham gia sâu vào sự hợp tác giữa doanh nghiệp và cơ sở đào tạo nghề, nhằm cải thiện chương trình giảng dạy gắn với thực tế, đồng thời hỗ trợ việc tuyển dụng, tăng cơ hội cho cả người thuê lao động và người lao động.

(8) Các địa phương cần có kế hoạch hành động riêng, từ đó xây dựng kế hoạch hành động giữa các địa phương hay cho toàn vùng. Các tỉnh miền Trung đều có bờ biển dài, đẹp, nếu không có sự liên kết trong công tác quy hoạch, khách du lịch đi tỉnh nào cũng tắm biển, sẽ rất nhàm chán. Do đó, ba tỉnh, thành phố phải cùng nhau tìm ra những sản phẩm du lịch biển đặc thù ở mỗi địa phương, phát triển thêm về chiều sâu. Tránh tình trạng tỉnh, thành phố này chỉ là một điểm đến trong hành trình tour chứ không phải là một điểm dừng trong chương trình tour của khách du lịch, gây ảnh hưởng đến doanh thu du lịch giữa các địa phương. Cụ thể:

- Tỉnh Thừa Thiên Huế tập trung phát triển các loại hình du lịch văn hóa (di sản, lễ hội, ẩm thực), kết hợp với du lịch sinh thái trên cơ sở khôi phục, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống Huế, bảo vệ tốt môi trường; xây dựng Huế trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực du lịch cho khu vực.

- Thành phố Đà Nẵng tập trung phát triển sản phẩm du lịch biển cao cấp, theo hướng gắn liền nghỉ dưỡng biển với các hoạt động thể thao giải trí đẳng cấp quốc tế, nâng cấp cảng Tiên Sa bảo đảm các điều kiện phục vụ du lịch; nâng cao chất lượng loại hình dịch vụ gắn với biển, tiếp tục khai thác du lịch dịch vụ công, đa dạng hóa du lịch trải nghiệm, văn hóa... phát triển Đà Nẵng trở thành đô thị du lịch, trung tâm trung chuyển khách và dịch vụ du lịch.

- Tỉnh Quảng Nam tập trung phát triển du lịch văn hóa và sinh thái, các loại hình văn hóa phi vật thể, du lịch cộng đồng gắn với nông thôn và miền núi cần được đẩy mạnh. Du lịch Quảng Nam nên phát triển theo chiều sâu nhằm tạo ra các sản phẩm du lịch có thương hiệu, mang đậm bản sắc văn hóa địa phương, cạnh tranh được với các tỉnh trong khu vực và cả nước. Ngoài ra, cần đầu tư kết cấu hạ tầng để kết nối thuận lợi với Đà Nẵng.

(9) Chú trọng bảo vệ môi trường

Trong khai thác du lịch, các cơ quan quản lý phải luôn nhấn mạnh đến vấn đề bảo vệ môi trường và duy trì hệ sinh thái tự nhiên vốn có tại các điểm du lịch; Đặt vấn đề bảo vệ môi

trường trở thành một trong những nhiệm vụ quan trọng trong quy hoạch các đề án, chiến lược phát triển du lịch của tỉnh và các khu, điểm du lịch.

Xây dựng nội quy, quy chế bảo vệ môi trường rõ ràng và tổ chức tuyên truyền đến từng người dân. Thành lập đội vệ sinh môi trường chuyên làm nhiệm vụ vớt rong rêu, rác thải trên các tuyến sông và bờ biển đảm bảo môi trường luôn sạch đẹp trong và ngoài khu du lịch. Thành lập đội quản lý an ninh trật tự nhằm xử lý kiên quyết các tình trạng chèo kéo, tranh giành khách.

Với chủ trương khuyến khích việc sử dụng các loại phương tiện được sản xuất theo công nghệ mới, trong đó có xe điện trong hoạt động du lịch, thành phố Đà Nẵng đang trên con đường phát triển du lịch bền vững gắn với việc bảo vệ môi trường. Vì vậy, tỉnh Thừa Thiên Huế và Quảng Nam nên sử dụng xe ô tô điện để chở khách đến tham quan các địa điểm du lịch trong khu vực.

Việc khai thác xe điện nhằm giảm thải khí CO₂ là phù hợp với mục tiêu khu vực đang hướng đến; giúp gia tăng số lượng phương tiện vận chuyển thân thiện với môi trường, góp phần vào việc tạo môi trường xanh – sạch cho địa phương. Để thúc đẩy việc chuyển đổi, ngành giao thông vận tải cần trình lên chính quyền hai tỉnh đề án cho phép lưu hành xe điện bốn bánh thân thiện với môi trường để phục vụ du khách. Trong thời gian tới, khu vực nên phát triển nhiều loại hình vận tải hành khách công cộng sử dụng công nghệ mới như động cơ hybrid dùng nhiên liệu xăng và điện cũng như phát triển phần đường dành cho xe đạp. Các địa phương cũng cần khuyến khích các cơ sở du lịch sử dụng xe điện để bảo vệ môi trường tại địa phương này.

3.2. Đối với các doanh nghiệp kinh doanh du lịch

(1) Đa dạng hóa sản phẩm du lịch và kết nối các tour, tuyến, khu du lịch (có sự phân công một cách tương đối về các sản phẩm và phân khúc thị trường):

- Tập trung phát triển các sản phẩm du lịch liên quan đến các loại hình du lịch có thế mạnh của Vùng. Đặc biệt là các sản phẩm du lịch đặc trưng riêng có của từng địa phương, theo hướng khai thác tài nguyên du lịch một cách bền vững.

- Tùy theo đặc điểm của mỗi địa phương cần tập trung vào phân khúc thị trường nguồn khách riêng, từ đó xây dựng các sản phẩm cũng như các dịch vụ du lịch phù hợp. Đặc biệt là đối với các cơ sở lưu trú và các loại hình vui chơi giải trí phù hợp.

(2) Liên kết đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch:

- Tập trung phát triển các cơ sở đào tạo về du lịch có chất lượng cho khu vực; gắn doanh nghiệp với các cơ sở đào tạo, phát triển thị trường lao động du lịch của khu vực. Chủ động tổ chức đào tạo để nâng cao nghiệp vụ cho nhân viên, đồng thời phối hợp với cơ sở đào tạo nghề du lịch, tạo điều kiện cho sinh viên được thực tế công việc trong thời gian đào tạo và tuyển dụng nguồn lao động có nghề du lịch.

- Liên kết tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu về du lịch, các khóa tập huấn nghiệp vụ và học tập kinh nghiệm lẫn nhau của các địa phương trong khu vực.

(3) Liên kết, hợp tác giữa các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, lưu trú và dịch vụ du lịch khác trong khu vực:

- Liên kết giữa các doanh nghiệp trong việc kết nối các tour, tuyến, khu du lịch trong ba địa phương.

- Liên kết, hợp tác giữa các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành; lưu trú, giải trí, mua sắm, tổ chức sự kiện... nhằm kết nối các nguồn khách, đồng thời tiết kiệm chi phí, tăng tính cạnh tranh cho du lịch ba địa phương.

- Liên kết các doanh nghiệp trong việc đầu tư các dự án lớn, đặc biệt là các khu vui chơi giải trí đẳng cấp, có những tác động lan tỏa nhất định đối với phát triển du lịch khu vực.

4. Kết luận

Phát triển du lịch tự bản thân nó phải là sự phát triển bền vững. Đó là vì du lịch phát triển kéo theo sự giao thoa, thậm chí xung đột có thể xảy ra giữa các nền văn hóa, đặc biệt là du lịch của ba tỉnh duyên hải miền Trung phát triển trên hai loại hình du lịch chính là du lịch biển - sinh thái và du lịch văn hóa - lịch sử. Cả hai loại hình du lịch này đòi hỏi yêu cầu nghiêm ngặt về bảo vệ nguồn tài nguyên du lịch biển và giá trị văn hóa bản địa không pha tạp của đồng bào Tây Nguyên.

Những năm trở lại đây, du lịch các địa phương đã chứng kiến bước phát triển vượt bậc trong bối cảnh chung của du lịch cả nước. Các chỉ tiêu về khách, thu nhập, việc làm,... đều tăng trưởng mạnh. Tuy nhiên độ dài ngày lưu trú còn ngắn và chi tiêu du lịch còn thấp dẫn tới hiệu quả không cao; sản phẩm du lịch còn nghèo nàn, đơn điệu, trùng lặp giữa các địa phương; quản lý khai thác tài nguyên du lịch chưa thống nhất và hiệu quả thấp, môi trường du lịch chưa thực sự an toàn, hấp dẫn.

Vì vậy, liên kết phát triển du lịch bền vững cần phải quán triệt trong quy hoạch phát triển khu vực, địa phương, trong dự án đầu tư và chiến lược phát triển của từng doanh nghiệp, quá trình đầu tư cần có trọng tâm, trọng điểm tránh tình trạng vì lợi ích trước mắt mà phá vỡ quy hoạch, dẫn đến nhiều bãi biển đẹp bị mất cảnh quan, có nguy cơ bị ô nhiễm bởi dẫy các nhà hàng kiên cố.

Liên kết phát triển du lịch bền vững là một vấn đề rộng, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực. Trong phạm vi của bài viết, khó có thể bao quát, đề cập được toàn bộ những vấn đề xã hội quan tâm, những vướng mắc tồn tại trong những năm qua tại hoạt động này. Tôi hy vọng thông qua bài viết này sẽ góp phần làm rõ hơn thực trạng và đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy sự liên kết phát triển du lịch bền vững tại ba tỉnh duyên hải miền Trung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Nghiên cứu khảo sát lực lượng lao động du lịch tại khu vực 3 tỉnh Duyên hải miền Trung - Thừa Thiên Huế, TP Đà Nẵng và Quảng Nam năm 2015, Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch, 2015.

[2] Kỷ yếu hội nghị: “Xúc tiến đầu tư vùng duyên hải miền Trung”, Đà Nẵng, tháng 3/2013.

- [3] Kỷ yếu hội thảo khoa học: “Liên kết Phát triển Du lịch các tỉnh duyên hải miền Trung”, Phú Yên, tháng 12 năm 2011.
- [4] Kỷ yếu hội thảo: “Phát triển sản phẩm du lịch vùng Duyên hải miền Trung, Khánh Hòa, tháng 6 năm 2013.
- [5] Nguyễn Đình Hiền, Hồ Thị Minh Phương, *Liên kết phát triển du lịch giữa các tỉnh vùng kinh tế trọng điểm miền Trung với Bắc Tây Nguyên*, Tạp chí Phát triển Kinh tế - Xã hội Đà Nẵng, 2014.
- [6] TS. Nguyễn Đình Hiền, *Liên kết phát triển du lịch các tỉnh duyên hải miền Trung*, Kinh tế và Dự báo, 2012.
- [7] Lê Hiền (tổng hợp), *Liên kết phát triển du lịch vùng Bắc – Nam Trung bộ*, Tạp chí Khoa học – Công nghệ Nghệ An, 2016.
- [8] PGS.TS Trần Thị Minh Hòa, *Bàn về liên kết phát triển du lịch địa phương*, Tạp chí du lịch, 2017.
- [9] Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Việt Quốc, Nguyễn Hồng Linh, *Thực trạng và những vấn đề đặt ra nhằm phát triển du lịch bền vững khu vực duyên hải Nam Trung Bộ - Tây Nguyên*, Tạp chí Phát triển Kinh tế - Xã hội Đà Nẵng, 2015.
- [10] Phạm Trung Lương, *Liên kết phát triển du lịch Đà Nẵng với các địa phương trong vùng duyên hải miền Trung*, Tạp chí Phát triển Kinh tế - Xã hội Đà Nẵng, 2017.
- [11] Bùi Thị Tâm, Mai Lê Quyên, *Đánh giá khả năng thu hút du khách của điểm đến Huế*, Tạp chí Khoa học, Đại học Huế, 2012.
- [12] TS. Nguyễn Quyết Thắng, *Giải pháp phát triển du lịch sinh thái bền vững tại một số địa phương miền Trung – Việt Nam*, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế Toàn cầu hóa du lịch và địa phương hóa du lịch, 2015.
- [13] Nguyễn Quyết Thắng và Lê Hữu Ảnh, *Thừa Thiên Huế làm gì để phát triển du lịch sinh thái?*, Tạp chí Du lịch Việt Nam, 2011.

**KỸ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ
KINH DOANH BỀN VỮNG
TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0**

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI LAO ĐỘNG XÃ HỘI

Địa chỉ: Ngõ Hoà Bình 4, Minh Khai, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (024) 36246917

* Fax: (024) 36246915

Chịu trách nhiệm xuất bản: BÙI VĂN TUYỀN

Chịu trách nhiệm nội dung:

Biên tập:

Chế bản

Thiết kế bìa:

Sửa bản in và đọc sách mẫu

In 150 cuốn, khổ 21x29cm tại Công ty TNHH In, Photocopy Hoa Hồng - Bình Liên

Địa chỉ: Số 20, ngõ 191A Đại La, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

Mã số 3341-2018/CXBIPH/2-193/LĐXH. và SBN: 978-604-65-3661-1

Số quyết định xuất bản: 441/QĐ-NXBLĐXH -ngày 21 tháng 9 năm 2018

In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2018



ISBN: 978-604-65-3661-1



9 786046 536611

Sách không bán